

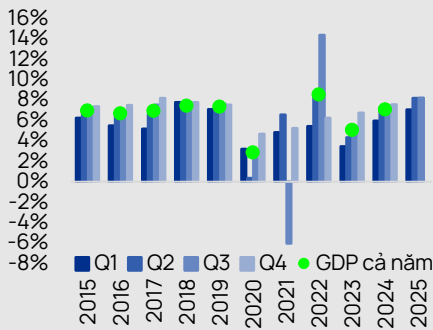
Số liệu trong tháng

	T8	T9
CPI (% YoY)	3,2	3,4
Doanh thu bán lẻ (% YoY)	10,4	11,3
Chỉ số SXCN (% YoY)	8,7	13,6
KN xuất khẩu (tỷ USD)	43,4	42,7
KN nhập khẩu (tỷ USD)	39,7	39,8
Giải ngân FDI (tỷ USD)	1,8	3,4
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	3,0	3,1
DN đăng ký mới	20.472	16.802

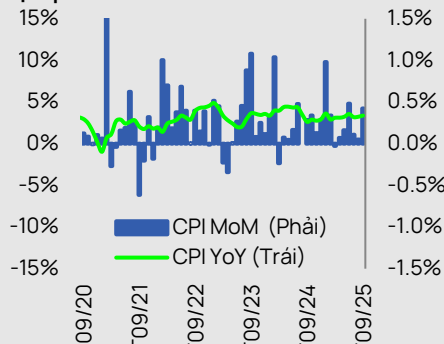
Dự báo Cả năm

	2024	2025F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	476	516
GDP tăng trưởng thực (%)	7,1	8,1
CPI (%)	3,6	3,2
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	14,3	15,2
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	16,7	17,5
Cán cân thương mại (tỷ USD)	24,8	20,0
Tăng trưởng tín dụng (%)	15,1	16,9
Giải ngân FDI (tỷ USD)	25,4	27,5

GDP



Lạm phát



Đào Minh Quang
Chuyên viên

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp

Tăng trưởng GDP quý 3/2025 đạt mức cao nhất kể từ năm 2011

GDP quý 3/2025 tăng 8,23% so với cùng kỳ (YoY) (quý 3/2024: +7,43% YoY), đánh dấu mức cao nhất kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng này đưa tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) lên 7,85% YoY (9T 2024: +6,91% YoY) – mức cao thứ hai kể từ năm 2011 (chỉ thấp hơn mức tăng trưởng 9,44% trong 9T 2022). **Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 từ 7,8% trong dự báo trước đây lên 8,1%** do (1) tăng trưởng GDP 9T 2025 cao hơn dự kiến và (2) triển vọng của kinh tế thế giới và kinh tế Mỹ (đối tác xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) lần lượt tăng lên 2,9% và 1,8% vào ngày 1/10 (so với lần lượt 2,6% và 1,5% vào ngày 1/7).

- Ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP).** Trong 9T 2025, chỉ số IIP toàn ngành tăng 9,1% YoY, chủ yếu nhờ tăng trưởng 2 con số của phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo (+10,4% YoY). Các tín hiệu khả quan về tăng trưởng đơn hàng mới trong báo cáo PMI gần nhất có thể tiếp tục hỗ trợ sản xuất trong những tháng tới. Trong khi đó, ngành khai khoáng phục hồi mạnh trong tháng 9 (+22,4% YoY) và được kỳ vọng sẽ tiếp tục củng cố tăng trưởng chung của ngành sản xuất trong nước trong quý 4/2025.
- Tổng doanh thu bán lẻ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 2 chữ số trong tháng 9.** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 9T 2025 tăng 9,5% YoY. Chúng tôi kỳ vọng tổng doanh thu bán lẻ sẽ được hỗ trợ bởi (1) nhu cầu cao hơn vào dịp lễ cuối năm; (2) nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật được tổ chức trong quý 4/2025; và (3) lượng khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục tăng mạnh.
- Thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) đạt 98% kế hoạch năm 2025.** Thu & chi NSNN 9T 2025 lần lượt đạt 1,9 triệu tỷ VND (+30,5% YoY) và 1,6 triệu tỷ VND (+31,4% YoY), dẫn đến thặng dư NSNN 291,2 nghìn tỷ VND. Để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đầy tham vọng từ 8,3% đến 8,5%, Chính phủ cần tập trung đẩy nhanh giải ngân đầu tư công (đã hoàn thành 55,7% kế hoạch năm trong 9T 2025) trong quý 4/2025.
- Vốn FDI giải ngân đạt mức cao nhất kể từ đầu năm.** Trong 9T 2025, vốn FDI đăng ký tăng 15,2% YoY, đạt 28,5 tỷ USD trong khi giải ngân FDI tăng 8,5% YoY, đạt 18,8 tỷ USD. Chúng tôi kỳ vọng Việt Nam có thể duy trì sức hấp dẫn đối với nguồn vốn FDI, được hỗ trợ bởi các lợi thế cơ bản (vị trí địa lý, các hiệp định FTA, và chi phí lao động cạnh tranh, v.v.) trong khi mức thuế đối ứng 20% của Mỹ áp dụng cho Việt Nam vẫn tương đương hoặc thấp hơn so với các quốc gia cạnh tranh.
- Hoạt động thương mại tiếp tục tăng tốc trong tháng 9.** Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu 9T 2025 tăng 16% YoY và 18,8% YoY, lần lượt đạt 348,7 tỷ USD và 331,9 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 16,8 tỷ USD. Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2025 lên 15,2% từ mức 11,5% trước đó, phản ánh hoạt động xuất khẩu mạnh hơn dự kiến trong 9T 2025, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tăng trưởng kinh tế Mỹ (thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) được cải thiện, và Việt Nam giữ được khả năng cạnh tranh về thuế quan so với các đối thủ cạnh tranh và tiềm năng.
- Giá học phí ngoài công lập và giá lương thực, thực phẩm là động lực thúc đẩy lạm phát trong tháng 9.** CPI tháng 9 tăng 0,42% so với tháng trước (MoM) và 3,38% YoY, đưa CPI bình quân 9T 2025 lên 3,27% YoY. Trong tháng 10, các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại một số tỉnh/thành phố có thể tiếp tục tăng học phí. Trong khi đó, nhu cầu cao hơn vào dịp nghỉ lễ cuối năm có thể gây áp lực lên lạm phát. Chúng tôi hiện dự báo CPI bình quân năm 2025 ở mức 3,2%.
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng trong tháng 9:** Để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ ngày càng tăng, vào ngày 1/10, NHNN đã bán USD thông qua hợp đồng kỳ hạn 6 tháng với tỷ giá 26.550 đồng (được phép hủy ngang). Ngoài ra, Fed có thể tiếp tục cắt giảm lãi suất lần thứ hai vào ngày 29/10, điều này có thể giúp giảm bớt áp lực lên thị trường ngoại hối.

GDP

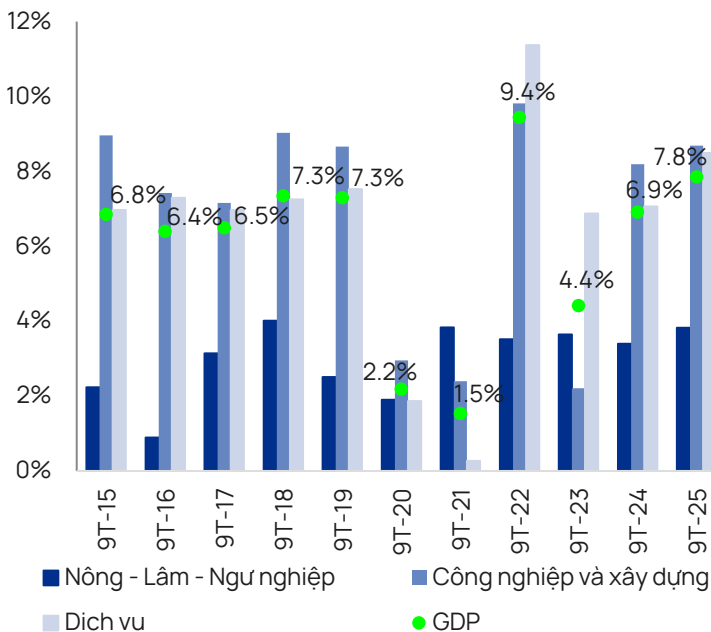
Tăng trưởng GDP quý 3/2025 đạt mức cao nhất kể từ năm 2011

Theo Cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 8,23% YoY trong quý 3/2025 (quý 3/2024: +7,43% YoY), đánh dấu mức cao nhất kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng này đưa tăng trưởng GDP 9T 2025 lên 7,85% YoY (9T 2024: +6,91% YoY) – mức cao thứ 2 kể từ năm 2011 (chỉ thấp hơn mức tăng trưởng 9,44% trong 9T 2022).

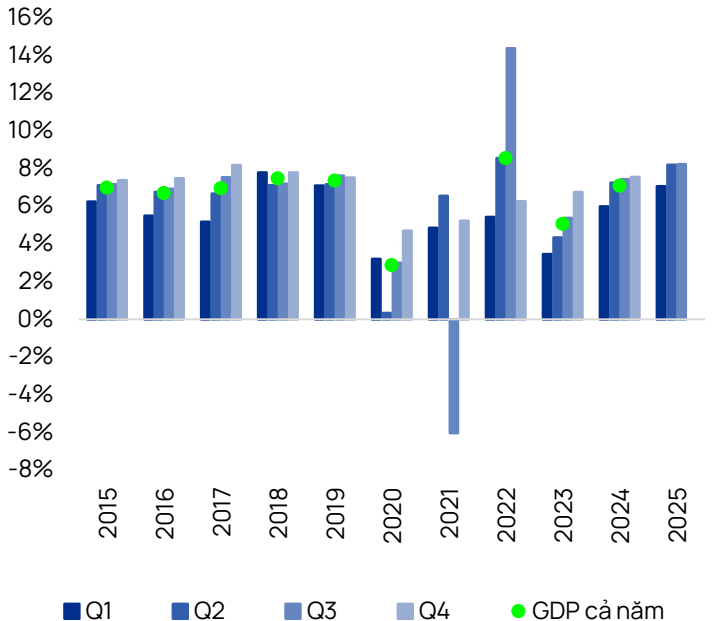
Diễn biến của 3 khu vực kinh tế chính như sau:

- Khu vực Dịch vụ là khu vực đóng góp lớn nhất vào GDP, tăng 8,56% YoY trong quý 3 và 8,49% YoY trong 9T 2025 (quý 3/2024: +7,52% YoY & 9T 2024: +7,06% YoY) và đóng góp 51,6% vào tăng trưởng GDP trong 9T 2025. Trong Khu vực Dịch vụ 9T 2025, các hoạt động dịch vụ hành chính và hỗ trợ (+13,5% YoY), văn hóa và thể thao (+11,1% YoY), quản lý nhà nước (+10,8% YoY), vận tải và kho bãi (+10,7% YoY), và dịch vụ lưu trú và ăn uống (+10,2% YoY) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh.
- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 9,46% YoY trong quý 3 và 8,69% YoY trong 9T 2025 (quý 3/2024: +8,98% YoY & 9T 2024: +8,19% YoY), đóng góp 43,1% vào tăng trưởng chung. Đáng chú ý, phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng 9,98% YoY trong quý 3/2025 (quý 3/2024: +11,35% YoY), đưa mức tăng của phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo trong 9T 2025 lên 9,92% YoY (9T 2024: +9,77% YoY) – là mức cao nhất trong 9 tháng kể từ năm 2022.
- Khu vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng trưởng vững chắc, tăng 3,74% YoY trong quý 3/2025 (quý 3/2024: +2,95% YoY) và 3,83% YoY trong 9T 2025 (9T 2024: +3,39% YoY).

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo ngành



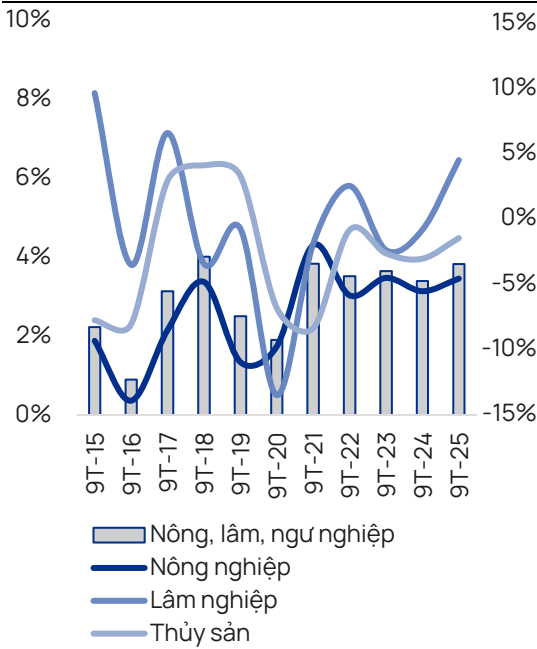
Hình 2: Tăng trưởng GDP theo quý



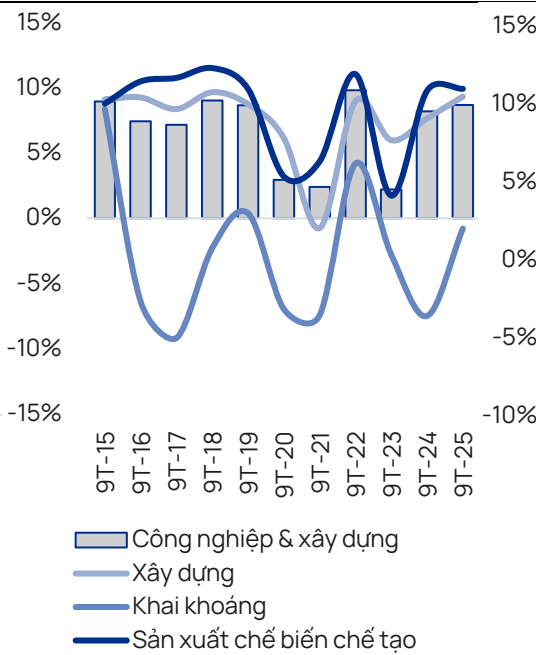
Nguồn: NSO, Vietcap

Nguồn: NSO, Vietcap

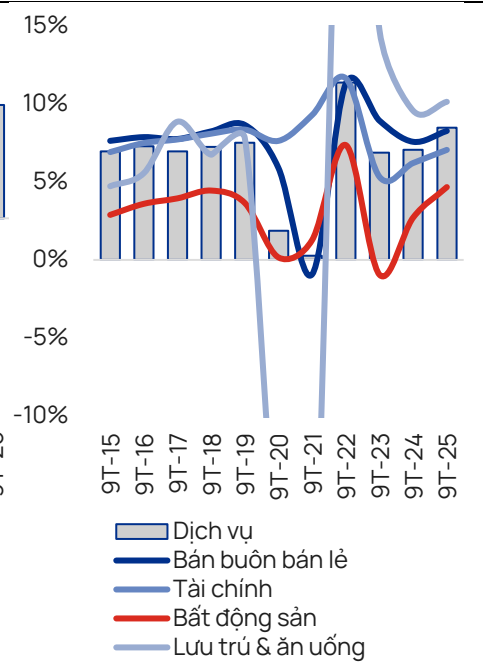
Hình 3: Tăng trưởng GDP Nông nghiệp, Lâm nghiệp & Thủy sản



Hình 4: Tăng trưởng GDP Công nghiệp & Xây dựng



Hình 5: Tăng trưởng GDP Dịch vụ



Nguồn: NSO, Vietcap

Triển vọng: Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 từ mức 7,8% trong dự báo trước đó lên 8,1%, do:

- (1) Dự báo đồng thuận về tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 đã tăng nhẹ từ 2,6% vào đầu tháng 7 lên 2,9% vào đầu tháng 10, trong đó dự báo tăng trưởng kinh tế của Mỹ tăng từ 1,5% lên 1,8%;
- (2) Tăng trưởng GDP quý 3 và 9T 2025 của Việt Nam vượt kỳ vọng.

Các yếu tố chính hỗ trợ tăng trưởng trong quý 4/2025:

- 1) Động lực sản xuất vững chắc:** Hoạt động sản xuất trong nước được dự báo sẽ tiếp tục khả quan, được hỗ trợ bởi tăng trưởng mạnh và liên tục của các ngành sản xuất chế biến, chế tạo và khai khoáng.
- 2) Chính sách hỗ trợ tài khóa:** Chính phủ dự kiến đẩy nhanh giải ngân đầu tư công để đạt mục tiêu giải ngân 100%, hỗ trợ mục tiêu tham vọng tăng trưởng GDP cả năm đạt 8,3–8,5%. Trong khi đó, các chính sách hỗ trợ tài khóa có hiệu lực đến cuối năm bao gồm: giảm 2% thuế GTGT và giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ, cùng nhiều chính sách miễn/giảm thuế và phí khác.
- 3) NHNN có thể tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế.** Chúng tôi cho rằng NHNN sẽ duy trì môi trường lãi suất thấp hiện tại cho đến cuối năm. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong quý 4/2025. Tính đến ngày 29/9, tăng trưởng tín dụng đạt 13,4% so với đầu năm (+1,6 điểm % MoM; tăng trưởng tín dụng 9T 2024 đạt 9,1%).
- 4) Tiêu dùng trong nước ổn định được hỗ trợ bởi lượng khách quốc tế tăng mạnh:** Chúng tôi kỳ vọng tổng doanh thu bán lẻ sẽ tiếp tục cải thiện, được hỗ trợ bởi (1) nhu cầu cao hơn vào dịp lễ cuối năm, (2) đẩy mạnh các hoạt động văn hóa và giải trí nhằm thúc đẩy chi tiêu và du lịch, và (3) sự phục hồi liên tục của lượng khách quốc tế. Đáng chú ý, Chính phủ đã nâng mục tiêu đón khách quốc tế năm 2025 từ 22–23 triệu lên tối thiểu 25 triệu lượt, hiện đã hoàn thành 61,7% kế hoạch trong 9T 2025.

Rủi ro đối với dự báo của chúng tôi:

- 1) Thiên tai: Cơ quan khí tượng thủy văn dự báo có thể có thêm 4–5 cơn bão trên Biển Đông trong quý 4, gây rủi ro cho ngành nông nghiệp.
- 2) Rủi ro tăng trưởng toàn cầu: Kinh tế toàn cầu phục hồi yếu hơn dự kiến, đặc biệt là từ Trung Quốc, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu, sản xuất và du lịch.
- 3) Bất ổn chính sách thương mại Mỹ: Chính sách thương mại bất định của Mỹ bao gồm định nghĩa "hàng trung chuyển" không rõ ràng.

Yếu tố hỗ trợ cho dự báo của chúng tôi:

- 1) Kinh tế toàn cầu tăng trưởng mạnh hơn: Sự phục hồi nhanh hơn tại Mỹ và Trung Quốc có thể thúc đẩy hơn nữa xuất khẩu và sản xuất của Việt Nam.
- 2) Kết quả chính sách thương mại Mỹ thuận lợi.
- 3) Kích thích tài khóa mạnh mẽ hơn dự kiến.

Sản xuất Công nghiệp

Ngành khai khoáng phục hồi mạnh trong tháng 9

Trong tháng 9, Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 13,6% YoY, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ của phân ngành khai khoáng (+22,4% YoY) và phân ngành sản xuất & phân phối điện (+15,4% YoY), trong khi phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng trưởng vững chắc ở mức 12,7% YoY. Tính chung 9T 2025, IIP toàn ngành tăng 9,1% YoY, chủ yếu được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng hai chữ số của phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo ở mức 10,4% YoY (9T 2024: +9,9% YoY).

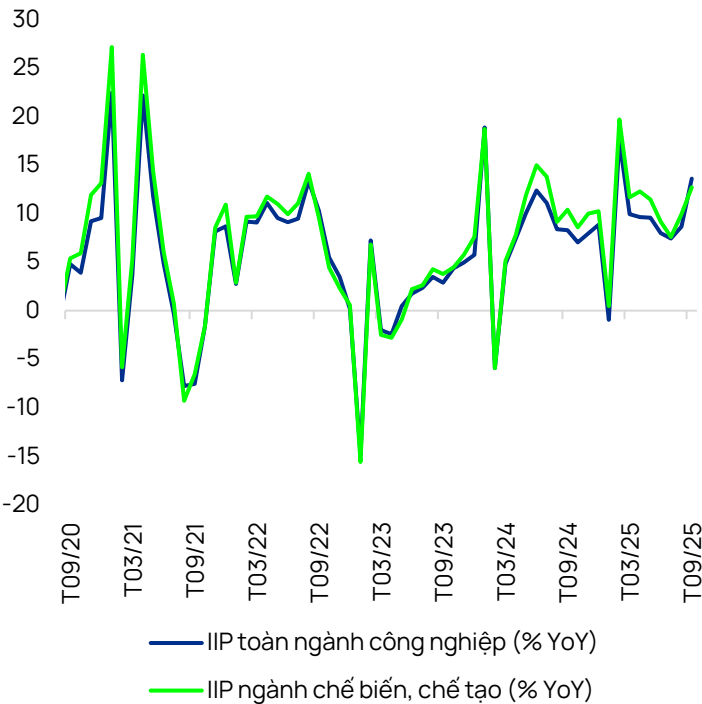
Trong 9T 2025, phần lớn các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo đều tăng trưởng, dẫn đầu là sản xuất xe có động cơ (+26,0% YoY), sản phẩm cao su & nhựa (+17,3% YoY) và sản phẩm khoáng phi kim loại khác (+15,6% YoY). Ngược lại, dược phẩm (-3,2% YoY) là phân ngành duy nhất tăng trưởng âm.

Hình 6: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 9/2025

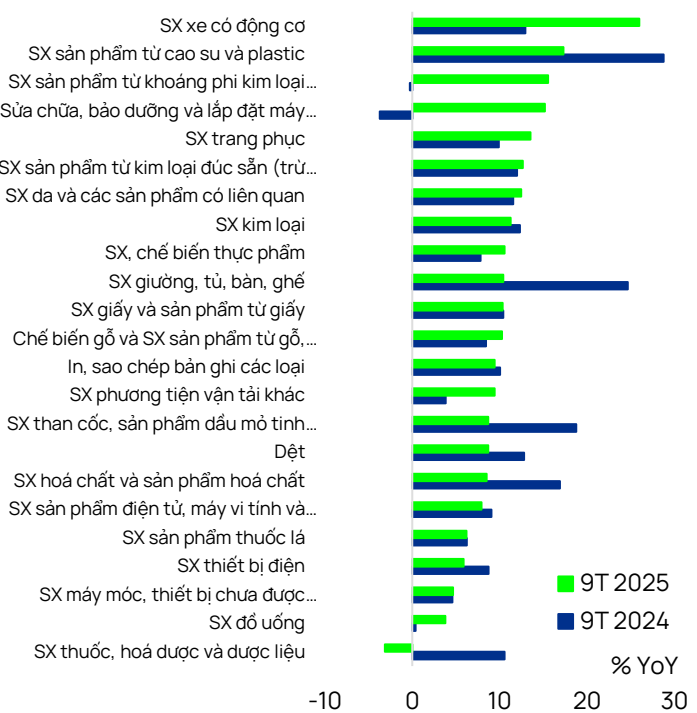
	MoM	YoY	9T 2025 so với 9T 2024
Toàn ngành	0,1%	13,6%	9,1%
Khai khoáng	4,3%	22,4%	0,1%
SX chế biến chế tạo	0,3%	12,7%	10,4%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 7: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) theo tháng



Hình 8: IIP sản xuất chế biến chế tạo



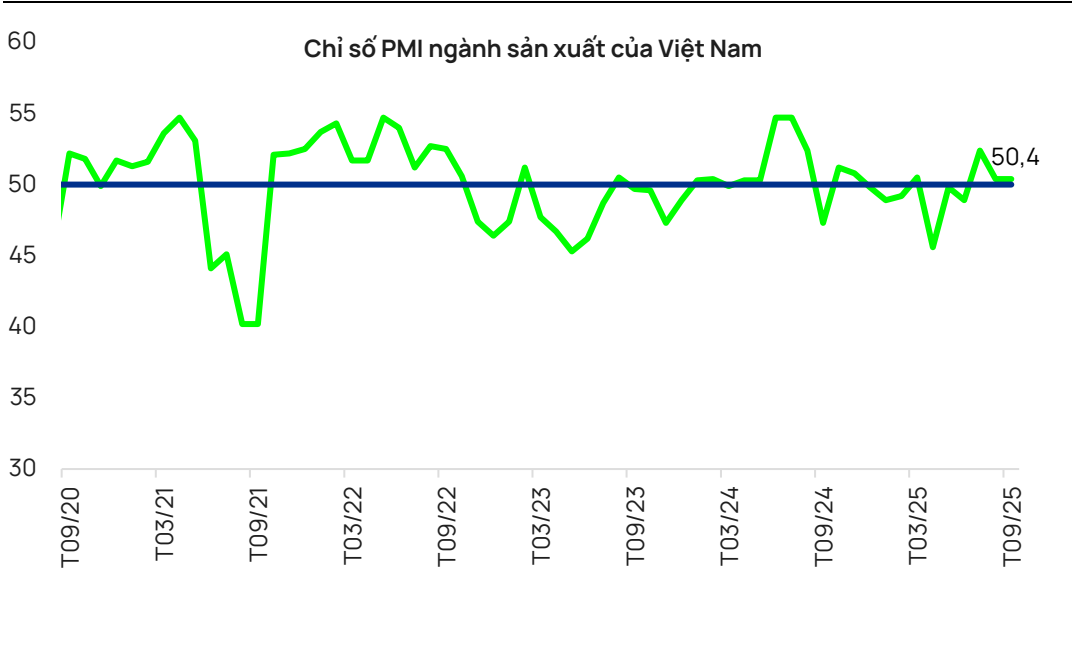
Nguồn: Cục Thống kê, Cục Hải quan, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

PMI tiếp tục cải thiện tháng thứ ba liên tiếp

Chỉ số PMI của S&P Global Việt Nam duy trì ở mức 50,4 điểm – không thay đổi so với tháng 8 – cho thấy điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tiếp tục ghi nhận sự cải thiện nhẹ trong tháng thứ 3 liên tiếp.

Hình 9: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Vietcap

Nhìn chung, điều kiện kinh doanh trong tháng 9 được hỗ trợ bởi sự gia tăng trở lại của đơn hàng mới sau khi ghi nhận mức sụt giảm nhẹ trong tháng 8. Trong tổng số đơn hàng mới, đơn hàng xuất khẩu tiếp tục giảm nhưng tốc độ giảm đã chậm lại thành mức yếu nhất trong chuỗi 11 tháng giảm, qua đó, cho thấy dấu hiệu ổn định dần của hoạt động xuất khẩu. Cùng với sự cải thiện của đơn hàng mới, sản lượng tiếp tục ghi nhận mức tăng trong tháng thứ năm liên tiếp, qua đó khiến cho các nhà sản xuất gia tăng hoạt động mua hàng trong 3 tháng vừa qua.

Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng rằng những tín hiệu tích cực xung quanh sự trở lại của tăng trưởng đơn hàng mới, cùng với việc các đơn hàng xuất khẩu mới đang tiến gần đến mức ổn định, có khả năng sẽ hỗ trợ một phần cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong những tháng tới. Trong khi đó, phân ngành khai khoáng có thể tiếp tục phục hồi mạnh mẽ hơn trong quý 4/2025, điều này hỗ trợ tăng trưởng chung của sản xuất trong nước.

Hình 10: Chỉ số PMI của Việt Nam và một số quốc gia ASEAN khác

	T10	T11	T12	T01	T02	T3	T4	T5	T06	T07	T08	T09
	-24	-24	-24	-25	-25	-25	-25	-25	-25	-25	-25	-25
Việt Nam	51,2	50,8	49,8	48,9	49,2	50,5	45,6	49,8	48,9	52,4	50,4	50,4
Philippines	52,9	53,8	54,3	52,3	51,0	49,4	53,0	50,1	50,7	50,9	50,8	49,9
Myanmar	48,4	49,8	50,4	47,4	48,5	49,8	45,4	47,6	49,0	49,5	50,4	53,1
Thái Lan	50,0	50,2	51,4	49,6	50,6	49,9	49,5	51,2	51,7	51,9	52,7	54,6
Indonesia	49,2	49,6	51,2	51,9	53,6	52,4	46,7	47,4	46,9	49,2	51,5	50,4
Malaysia	49,5	49,2	48,6	48,7	49,7	48,8	48,6	48,8	49,3	49,7	49,9	49,8
ASEAN	50,5	50,8	50,7	50,4	51,5	50,8	48,7	49,2	48,6	50,1	51,0	51,6

Nguồn: S&P Global, Vietcap tổng hợp

Tiêu dùng

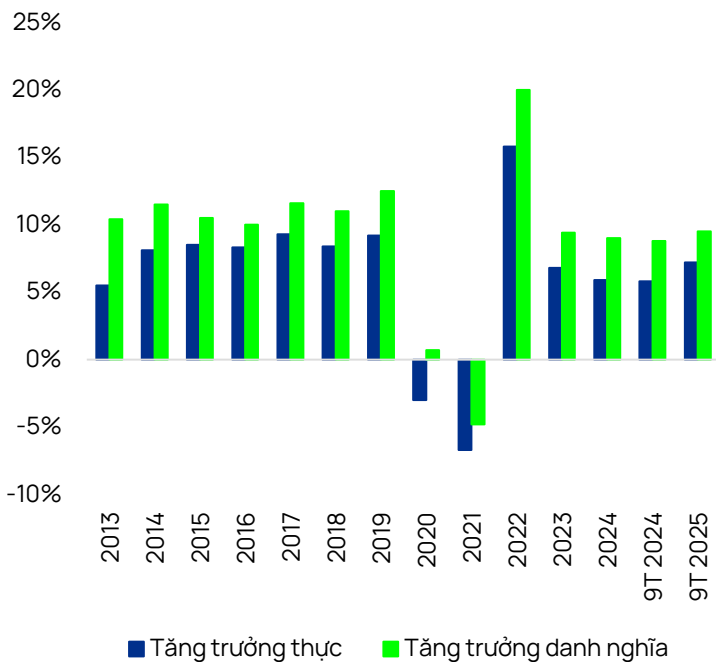
Tổng doanh thu bán lẻ tiếp tục ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số

Theo đà tăng trưởng hai chữ số được ghi nhận trong tháng 8 (+10,4% YoY), tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục tăng 11,3% YoY trong tháng 9 (tháng 9/2024: +7,7% YoY) – đây là mức tăng trưởng hàng tháng cao nhất kể từ tháng 4/2023. Tính chung 9T 2025, tổng doanh thu bán lẻ tiếp tục tăng trưởng vững chắc ở mức 9,5% YoY và 7,2% YoY nếu loại trừ yếu tố giá (9T 2024: +8,8% YoY và +5,8% YoY). Trong tổng doanh thu bán lẻ 9T 2025, cơ cấu tăng trưởng của các phân ngành như sau:

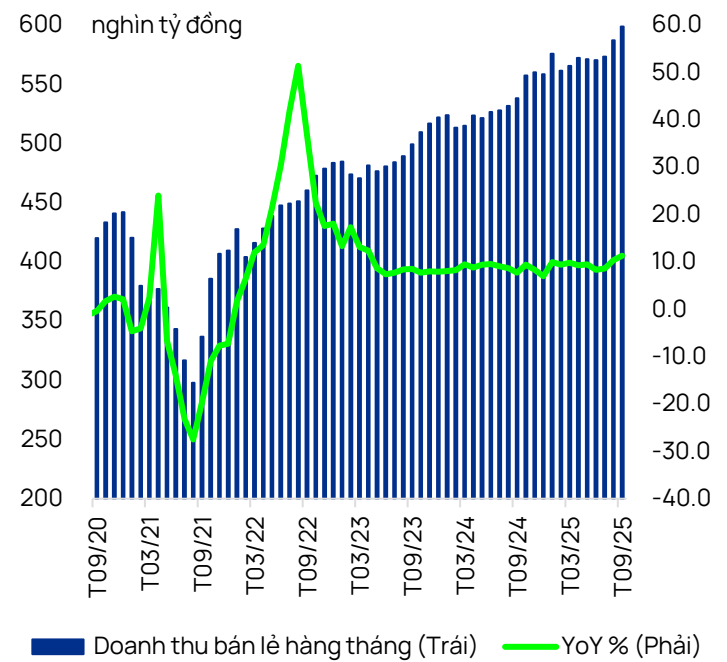
- Bán lẻ hàng hóa – chiếm khoảng 76% tổng doanh thu bán lẻ – tăng 8,3% YoY, chủ yếu được hỗ trợ bởi tăng trưởng mạnh của bán lẻ hàng thực phẩm & lương thực (+10,3% YoY).
- Trong khi đó, lượng khách quốc tế tăng mạnh đã thúc đẩy sự tăng trưởng đáng kể của doanh thu bán lẻ dịch vụ lưu trú & ăn uống (+14,8% YoY) và doanh thu bán lẻ du lịch (+20,5% YoY). Đáng chú ý, lượng khách quốc tế đạt 1,5 triệu lượt trong tháng 9 (+21,5% YoY), đưa tổng lượt khách quốc tế đến trong 9T 2025 lên 12,7 triệu lượt (+43% YoY) – tương đương 119,9% so với mức trước đại dịch (khách Trung Quốc đạt 97,9%, khách từ các quốc gia khác đạt 129,8% so với mức trước đại dịch).

Triển vọng: Chúng tôi dự báo tổng doanh thu bán lẻ sẽ duy trì xu hướng tăng, được hỗ trợ bởi (1) nhu cầu tăng cao vào dịp lễ cuối năm, (2) nhiều hoạt động văn hóa và nghệ thuật được tổ chức vào cuối năm nhằm kích thích tiêu dùng và du lịch (ví dụ: Lễ hội Văn hóa Thế giới lần đầu tiên tại Hà Nội từ ngày 10-12/10/2025; World Tour 2025 của G-Dragon tại Hà Nội vào ngày 11/11; và Lễ hội âm nhạc kéo dài 10 giờ Y-Concert vào ngày 20/12 tại miền Bắc), và (3) lượng khách quốc tế tiếp tục tăng trưởng mạnh. Đáng chú ý, Chính phủ đã thay đổi mục tiêu lượng khách quốc tế từ 22-23 triệu lên ít nhất 25 triệu trong năm 2025 (9T 2025 đã hoàn thành 61,7% mục tiêu này).

Hình 11: Doanh thu bán lẻ, YoY



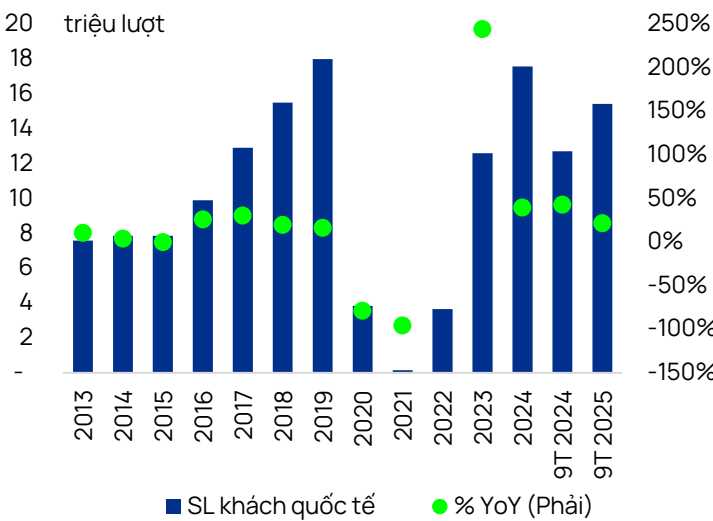
Hình 12: Doanh thu bán lẻ hàng tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 13: Lượng khách quốc tế



Hình 14: Lượng khách quốc tế hàng tháng

	T9/2025 so với T9/2019	9T 2025 so với 9T 2019
Tổng lượng khách quốc tế	97,6%	119,9%
Trung Quốc	59,8%	97,9%
Ngoại trừ Trung Quốc	121,5%	129,8%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nghân sách Nhà nước

Thu NSNN đạt 98% kế hoạch năm 2025

Theo Bộ Tài chính, trong 9T 2025, thu NSNN đã tăng mạnh 30,5% YoY, đạt 1.926 nghìn tỷ đồng, hoàn thành gần 98% mục tiêu cả năm. Mức tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi nguồn thu nội địa tăng mạnh, đạt 1.653,2 nghìn tỷ đồng (+35,1% YoY; hoàn thành 99,1% kế hoạch năm). Bên cạnh đó, thu từ hoạt động xuất-nhập khẩu tăng 13% YoY, đạt 234,6 nghìn tỷ đồng (hoàn thành 99,8%), trong khi thu từ dầu thô giảm 15,9% YoY, đạt 37,1 nghìn tỷ đồng.

Trong khi đó, chi NSNN tăng 31,4% YoY, đạt 1.634,8 nghìn tỷ đồng trong 9T 2025, chủ yếu do chi đầu tư phát triển tăng mạnh, đạt 440,4 nghìn tỷ đồng (+43,1% YoY) và hoàn thành 55,7% kế hoạch năm. Ngoài ra, chi thường xuyên tăng 29,9% YoY, đạt 1.113 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 69,7% mục tiêu cả năm.

Trong 9T 2025, thặng dư NSNN đạt 291,2 nghìn tỷ đồng so với mức thặng dư NSNN là 191,9 nghìn tỷ đồng trong 9T 2024.

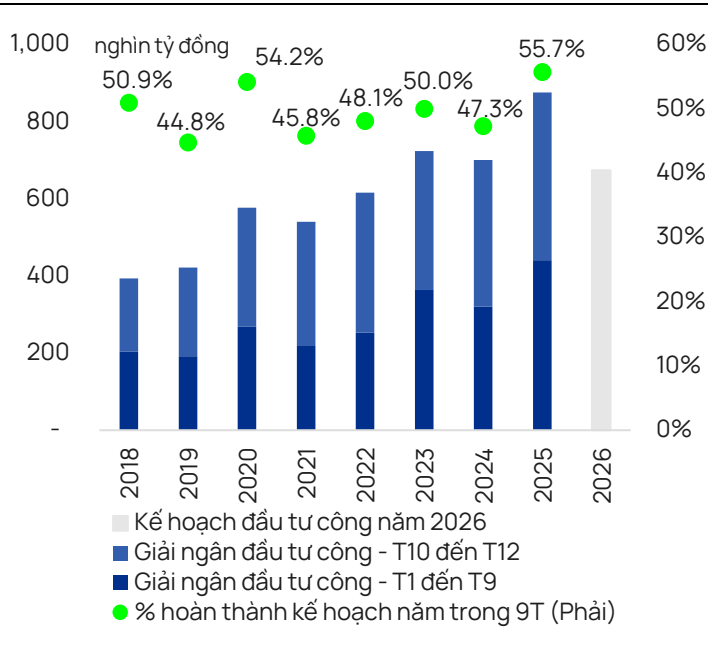
Triển vọng: Ngày 6/7, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện 104/CĐ-TTg, yêu cầu thu NSNN năm 2025 phấn đấu vượt kế hoạch năm tối thiểu 20%. Chúng tôi cho rằng kế hoạch này là khả thi nếu thu NSNN có thể duy trì ở mức trung bình của 9T 2025 (214 nghìn tỷ đồng/tháng) trong quý 4/2025. Bên cạnh đó, để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP tham vọng từ 8,3% đến 8,5% cho năm 2025, chúng tôi cho rằng Chính phủ sẽ tập trung đẩy nhanh giải ngân đầu tư công trong quý 4/2025.

Hình 15: Cơ cấu Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng	9T 2025	% kế hoạch năm	YoY %
Thu ngân sách	1.926,0	97,9%	30,5%
Thu trong nước	1.653,2	99,1%	35,1%
Thu từ dầu thô	37,1	69,7%	-15,9%
Thu từ xuất nhập khẩu	234,6	99,8%	13,0%
Khác	1,1		
Chi ngân sách	1.634,8	63,4%	31,4%
Chi thường xuyên	1.113,0	69,7%	29,9%
Chi đầu tư phát triển	440,4	55,7%	43,1%
Chi trả nợ lãi	75,6	68,4%	-3,3%
Khác	5,8		
Cán cân ngân sách	291,2		

Nguồn: Bộ Tài chính, Cục Thống kê, Vietcap tổng hợp

Hình 16: Giải ngân đầu tư công theo năm



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

FDI

Vốn FDI giải ngân ghi nhận mức cao nhất kể từ đầu năm

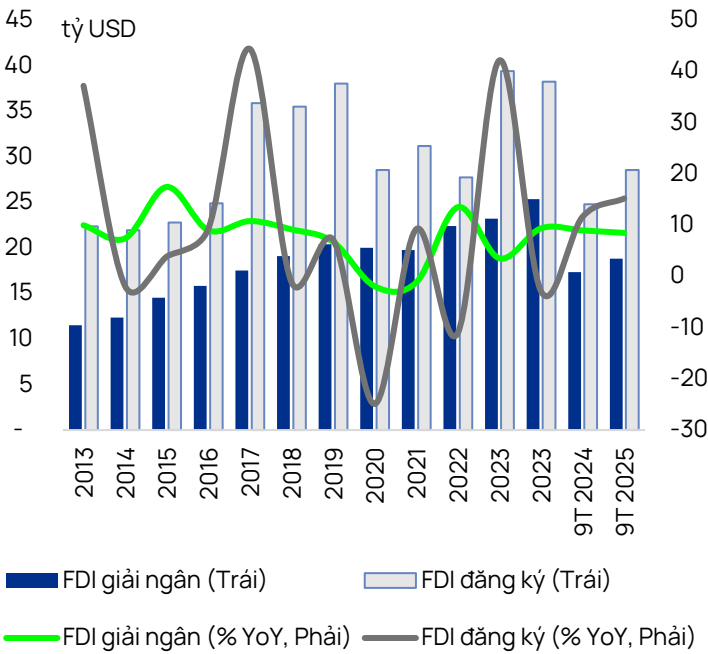
Trong tháng 9, vốn FDI giải ngân đạt 3,4 tỷ USD (+6,8% YoY) – mức cao thứ 2 kể từ khi chúng tôi bắt đầu ghi nhận dữ liệu từ năm 2012 (chỉ thấp hơn 3,7 tỷ USD của tháng 12/2024), đưa tổng vốn FDI giải ngân lên 18,8 tỷ USD (+8,5% YoY). Trong khi đó, vốn FDI đăng ký trong tháng 9 giảm 43,4% YoY, đạt 2,4 tỷ USD, một phần do mức nền cao của tháng 9/2024 (vốn FDI đăng ký tháng 9/2024 đạt mức cao nhất trong các tháng 9 kể từ năm 2012). Trong 9T 2025, vốn FDI đăng ký vẫn tăng mạnh 15,2% YoY, đạt 28,5 tỷ USD.

Xét theo số vốn FDI đăng ký, ngành sản xuất, chế biến chế tạo (16,8 tỷ USD) tiếp tục là lĩnh vực hấp dẫn nhất, chiếm 58,8% tổng vốn FDI đăng ký trong 9T 2025. Ngành bất động sản đứng thứ hai với 5,7 tỷ USD, chiếm 20% tổng vốn.

Về cơ cấu đăng ký theo quốc gia/vùng lãnh thổ, Singapore tiếp tục dẫn đầu với 6,9 tỷ USD, chiếm 24,2% tổng vốn đăng ký. Theo sau là Hàn Quốc (4,3 tỷ USD; 15,1%), Trung Quốc (3,4 tỷ USD; 12,0%) và Nhật Bản (2,5 tỷ USD; 8,9%).

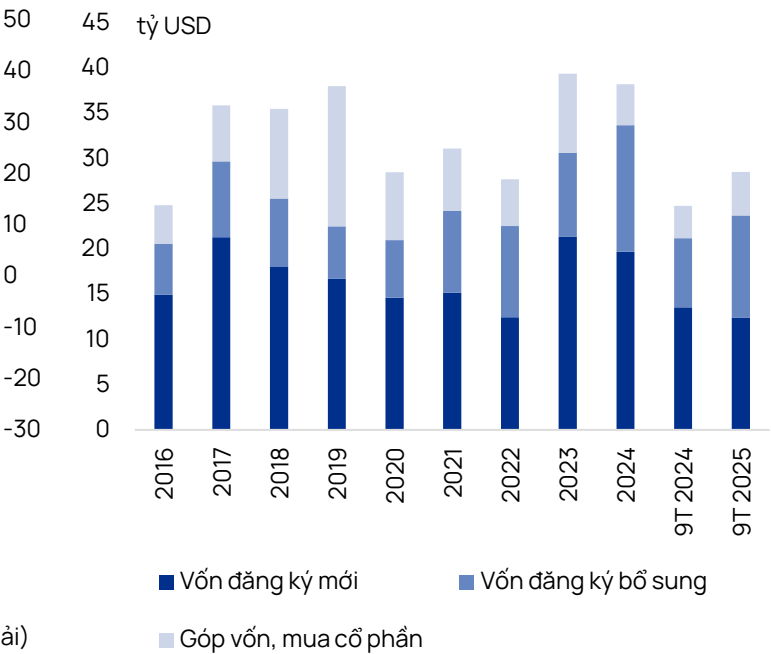
Triển vọng: Chúng tôi duy trì kỳ vọng rằng Việt Nam có thể duy trì sức hấp dẫn đối với thu hút nguồn vốn FDI, được hỗ trợ bởi các lợi thế cơ bản của Việt Nam (bao gồm vị trí địa lý, các hiệp định FTA và chi phí lao động cạnh tranh, cùng nhiều yếu tố khác). Ngoài ra, mức thuế đối ứng 20% của Mỹ áp dụng đối với Việt Nam là tương đương hoặc thấp hơn so với các quốc gia cạnh tranh hiện tại và tiềm năng khác.

Hình 17: Tăng trưởng FDI đăng ký và giải ngân



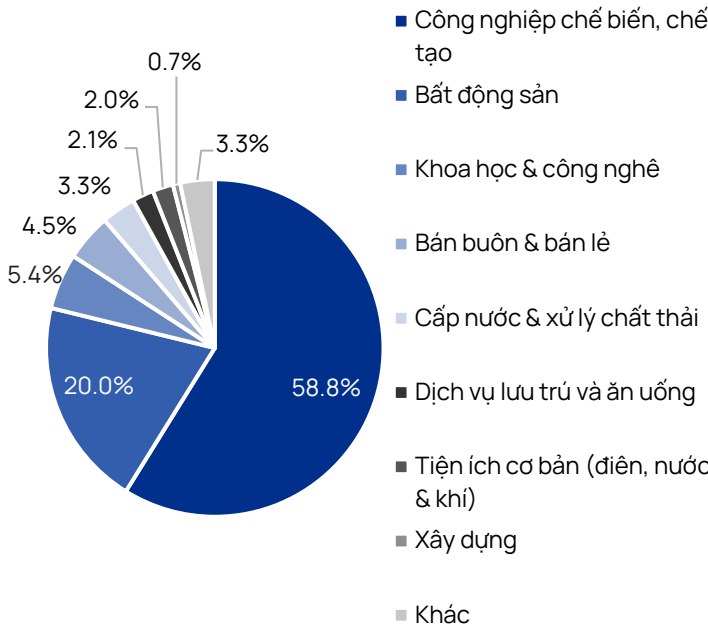
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 18: FDI đăng ký theo loại hình



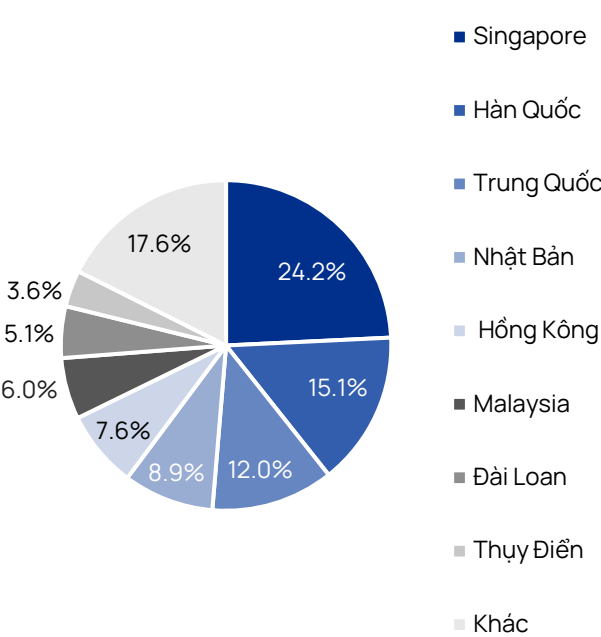
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 19: FDI đăng ký theo ngành trong 9T 2025



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 20: FDI đăng ký theo quốc gia/khu vực trong 9T 2025



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại tiếp tục tăng tốc trong tháng 9

Theo dữ liệu của Cục Hải quan, cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong tháng 9, với kim ngạch xuất khẩu tăng 24,7% YoY, đạt 42,7 tỷ USD trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 24,9% YoY, đạt 39,8 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 2,8 tỷ USD. Điều này đưa tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu trong 9T 2025 lần lượt đạt 348,7 tỷ USD (+16,0% YoY) và 331,9 tỷ USD (+18,8% YoY), dẫn đến thặng dư thương mại 16,8 tỷ USD so với thặng dư 21,1 tỷ USD được ghi nhận trong 9T 2024.

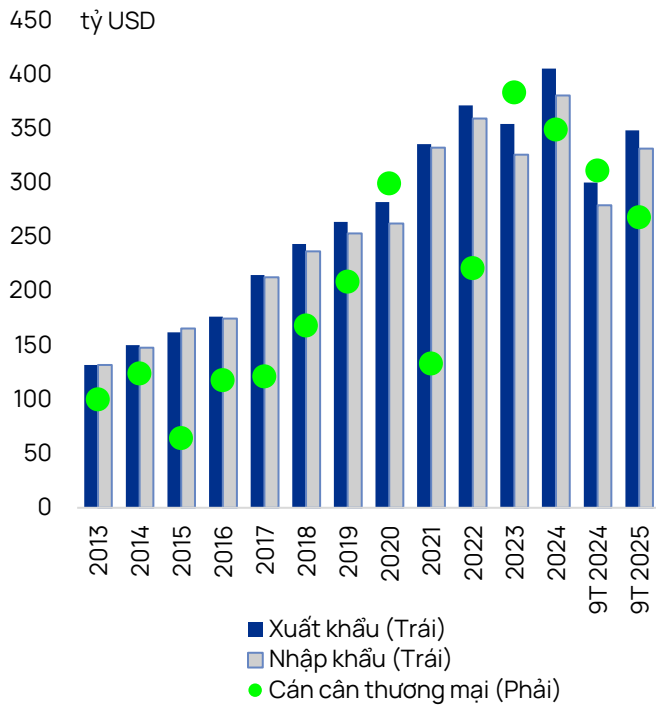
Tất cả các nhóm hàng xuất khẩu chính đều ghi nhận tăng trưởng trong 9T 2025, trong đó dẫn đầu là máy tính & linh kiện điện tử với 77,5 tỷ USD, tăng mạnh 45,9% YoY và chiếm 22,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9T 2025. Tiếp theo là điện thoại & linh kiện (43,6 tỷ USD; +4,1% YoY; chiếm 12,5%) và máy móc & thiết bị (43,0 tỷ USD; +13,5% YoY; chiếm 12,3%) là các nhóm hàng xuất khẩu lớn tiếp theo. Về phía nhập khẩu, 3 nhóm hàng lớn nhất gồm: máy tính & linh kiện điện tử đạt 110,0 tỷ USD (+39% YoY), máy móc & thiết bị đạt 44,3 tỷ USD (+24,7% YoY), và vải đạt 11,2 tỷ USD (+2,3% YoY).

Xét về thị trường, Mỹ vẫn là điểm đến xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Xuất khẩu sang Mỹ đã phục hồi mạnh trong tháng 9, tăng mạnh 38,4% YoY sau đợt chững lại tạm thời vào tháng 8. Trong 9T 2025, xuất khẩu sang Mỹ tăng 27,7% YoY đạt 112,8 tỷ USD, chiếm 32,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tiếp theo là Trung Quốc (49,6 tỷ USD; +11,3% YoY) và EU (41,7 tỷ USD; +9,3% YoY). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc - thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam - tăng mạnh 27,9% YoY đạt 134,4 tỷ USD, Hàn Quốc xếp thứ hai với 44,4 tỷ USD (+7,0% YoY).

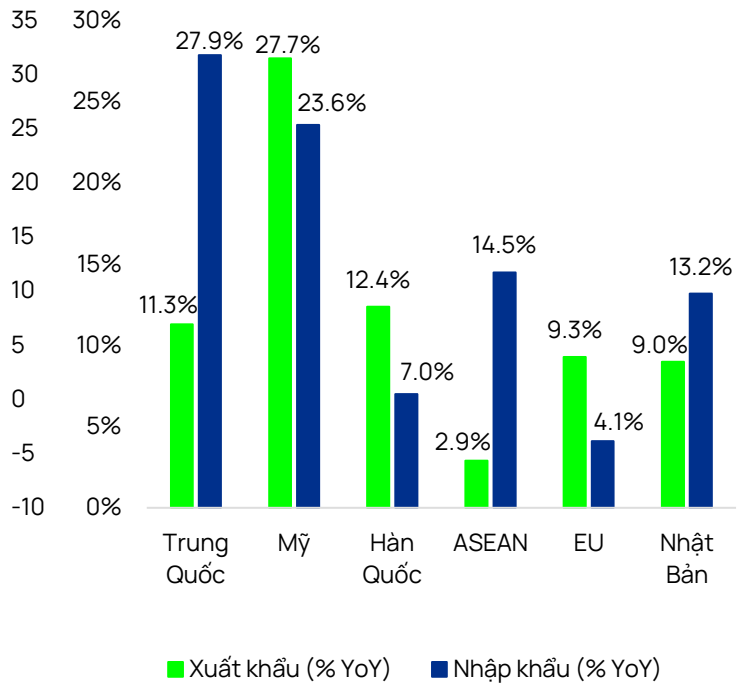
Triển vọng: Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 2025 lần lượt từ mức 11,5% và 13,6% trong dự báo trước đó lên 15,2% và 17,5%, dẫn đến thặng dư thương mại 20,0 tỷ USD, so với 19,8 tỷ USD trong dự báo trước đây của chúng tôi, do các yếu tố sau:

- Kết quả xuất khẩu cao hơn kỳ vọng trong 9T 2025.
- Triển vọng của kinh tế thế giới và kinh tế Mỹ (đối tác xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) đã được cải thiện với dự báo đồng thuận về tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 đã tăng từ 2,8% vào đầu tháng 9 lên 2,9% vào đầu tháng 10, trong đó dự báo đồng thuận về tăng trưởng GDP Mỹ năm 2025 cũng tăng từ 1,6% lên 1,8%.
- Việt Nam vẫn duy trì tính cạnh tranh về thuế quan so với các quốc gia cạnh tranh hiện tại và tiềm năng khác.

Hình 21: Kim ngạch XNK và cán cân thương mại



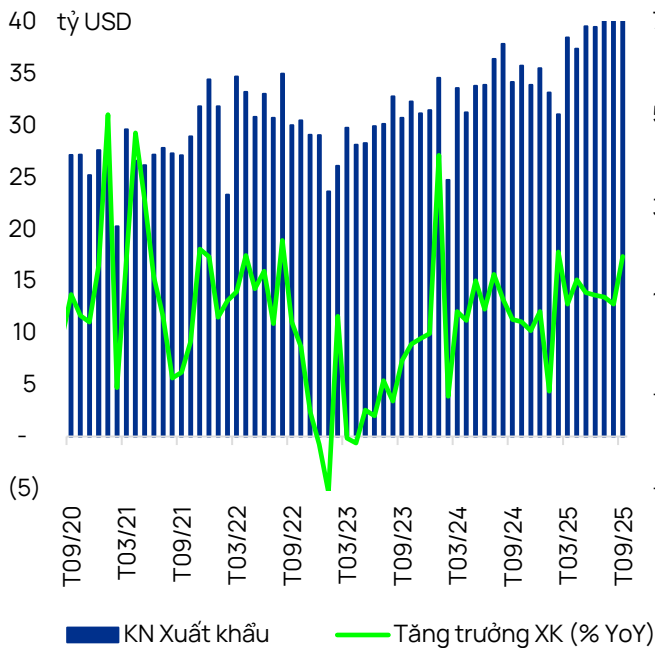
Hình 22: Các thị trường XNK chính trong 9T 2025



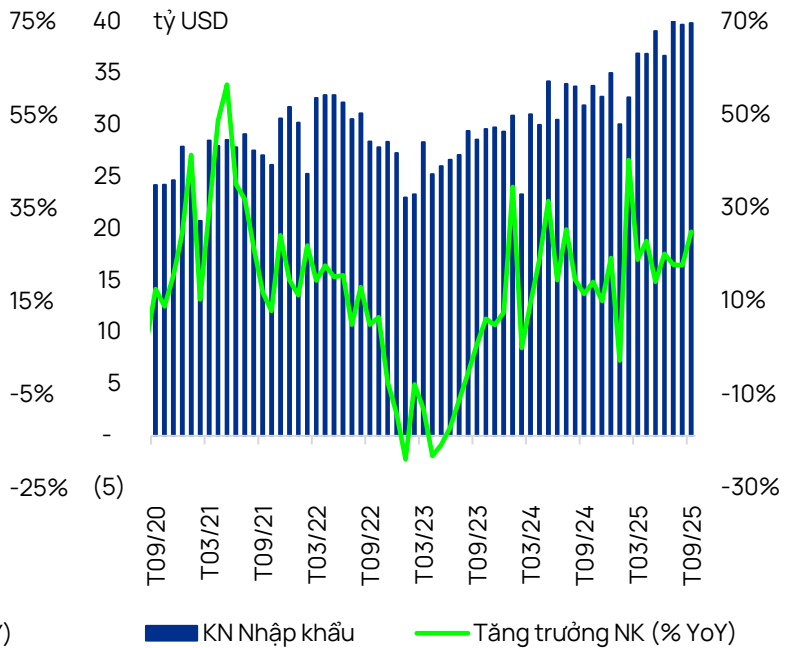
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 23: Xuất khẩu hàng tháng



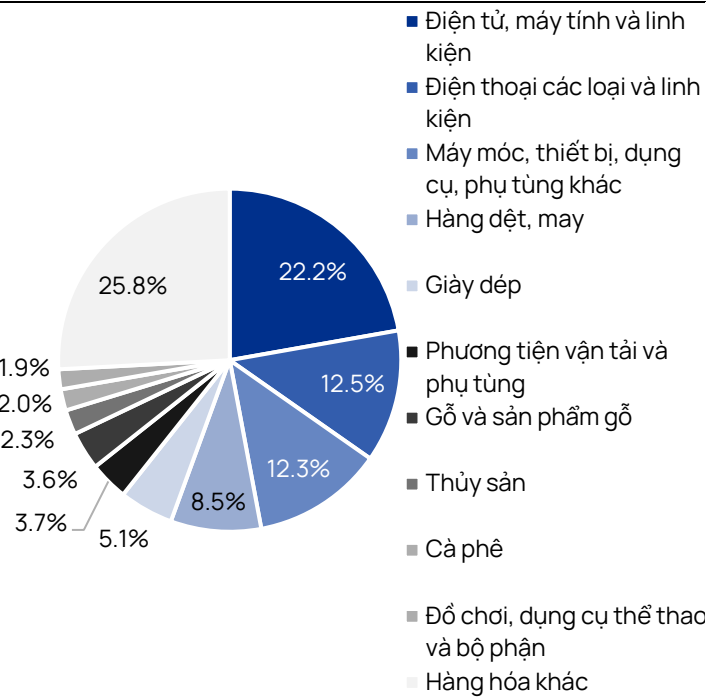
Hình 24: Nhập khẩu hàng tháng



Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

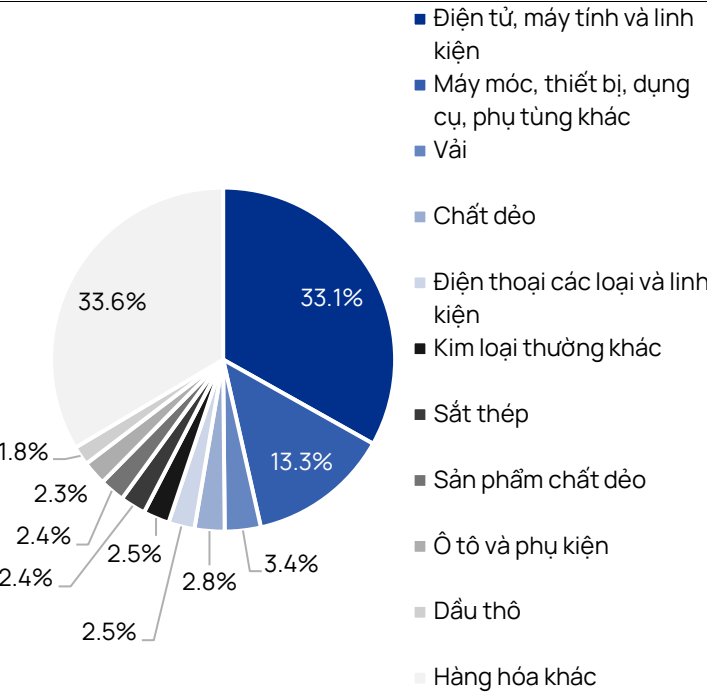
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 25: Các mặt hàng XK chính trong 9T 2025



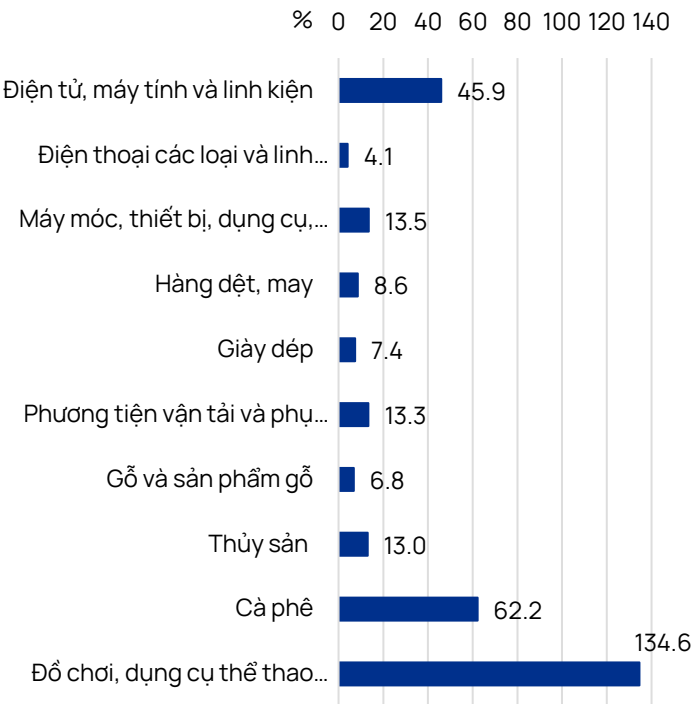
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 26: Các mặt hàng NK chính trong 9T 2025



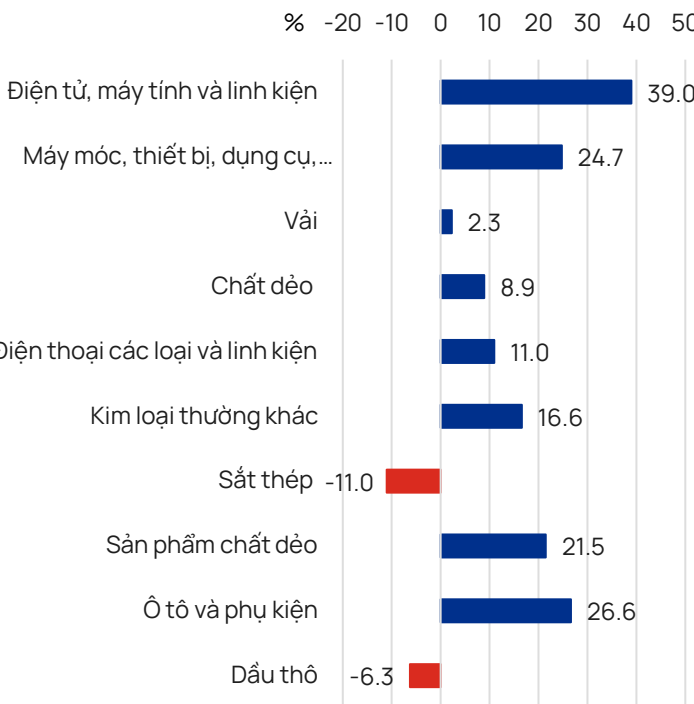
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 27: Tăng trưởng XK theo mặt hàng trong 9T 2025 (% YoY)



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

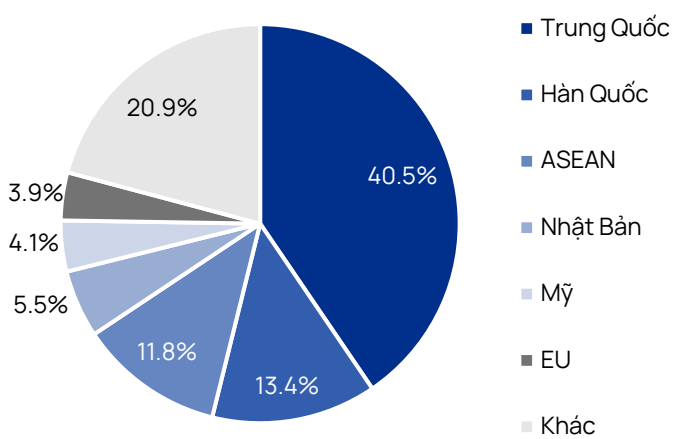
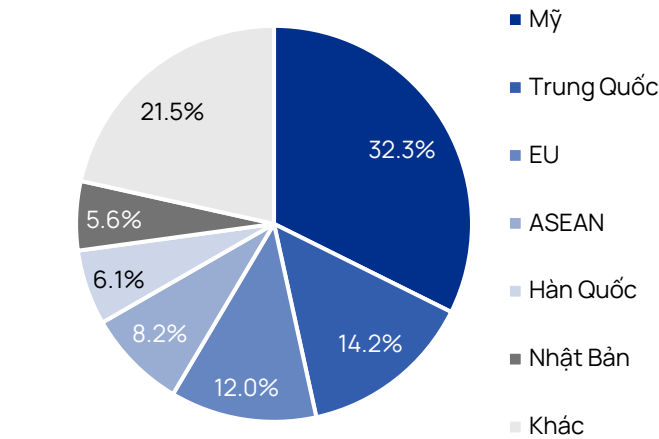
Hình 28: Tăng trưởng NK theo mặt hàng trong 9T 2025 (% YoY)



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 29: Thị trường XK chính trong 9T 2025

Hình 30: Thị trường NK chính trong 9T 2025



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Lạm phát

Giá học phí ngoài công lập và giá lương thực, thực phẩm là động lực thúc đẩy lạm phát trong tháng 9

Trong tháng 9, chỉ số CPI đã tăng 0,42% MoM và 3,38% YoY, đưa CPI bình quân 9T 2025 lên 3,27% YoY, thấp hơn đáng kể so với mức 3,88% YoY trong 9T 2024. CPI trong tháng 9 chủ yếu được thúc đẩy bởi mức tăng của học phí ngoài công lập và giá lương thực, thực phẩm.

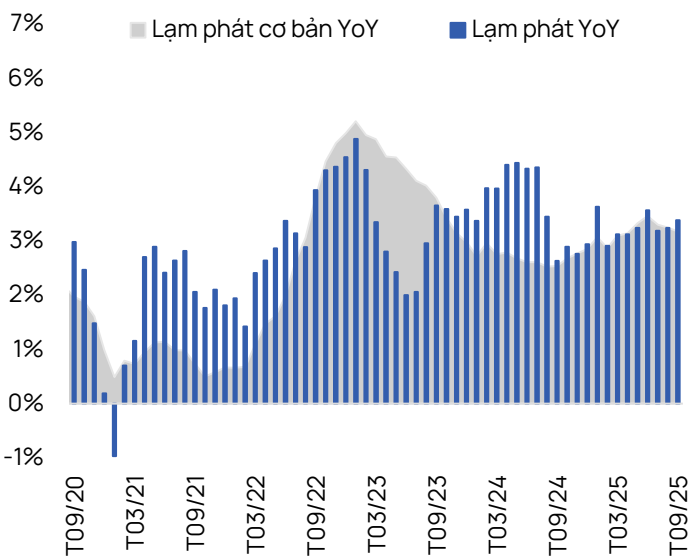
- Nhóm giáo dục tăng 2,22% MoM, đóng góp khoảng 0,14 điểm % vào CPI chung, chủ yếu do giá dịch vụ giáo dục tăng 2,34% khi một số trường đại học, trung học và mẫu giáo ngoài công lập tăng học phí.
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,41% MoM, nâng CPI chung thêm 0,14 điểm %, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm tăng 0,49% MoM (nâng CPI chung thêm 0,1 điểm %), một phần do nhu cầu cao trong dịp Lễ Quốc khánh và Tết Trung thu.

Hình 31: Lạm phát trong tháng 9/2025

	CPI MoM (T9/2025 so với T8/2025)	CPI YoY (T9/2025 so với T9/2024)	CPI YTD (T9/2025 so với T12/2024)	CPI bình quân (9T 2025 so với 9T 2024)
Lạm phát	0,42%	3,38%	2,61%	3,27%
Lạm phát cơ bản	0,20%	3,18%	N/A	3,19%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 32: CPI



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 33: CPI theo danh mục

Nhóm ngành	Tỷ trọng	Tháng 9/2024 YoY	Tháng 9/2025 YoY
Tổng CPI	100%	2,63%	3,38%
Lương thực/thực phẩm & dịch vụ ăn uống	33,56%	3,94%	2,06%
Đồ uống & thuốc lá	2,73%	2,30%	2,35%
Quần áo, giày dép & mũ	5,70%	1,17%	1,41%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18,82%	4,37%	6,87%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6,74%	1,17%	1,69%
Thuốc & dịch vụ y tế	5,39%	8,28%	12,62%
Giao thông	9,67%	-5,33%	1,46%
Viễn thông	3,14%	-0,42%	-0,62%
Giáo dục	6,17%	1,21%	3,24%
Văn hóa, thể thao & giải trí	4,55%	2,03%	1,84%
Hàng hóa & dịch vụ khác	3,53%	6,98%	2,88%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Triển vọng: Trong tháng 10, các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại một số tỉnh/thành phố có thể tiếp tục tăng học phí (các trường chưa tăng học phí trong tháng 9). Trong khi đó, nhu cầu cao hơn vào dịp nghỉ lễ cuối năm có thể gây áp lực lên lạm phát. Chúng tôi hiện dự báo CPI bình quân năm 2025 ở mức 3,2%.

Tỷ giá

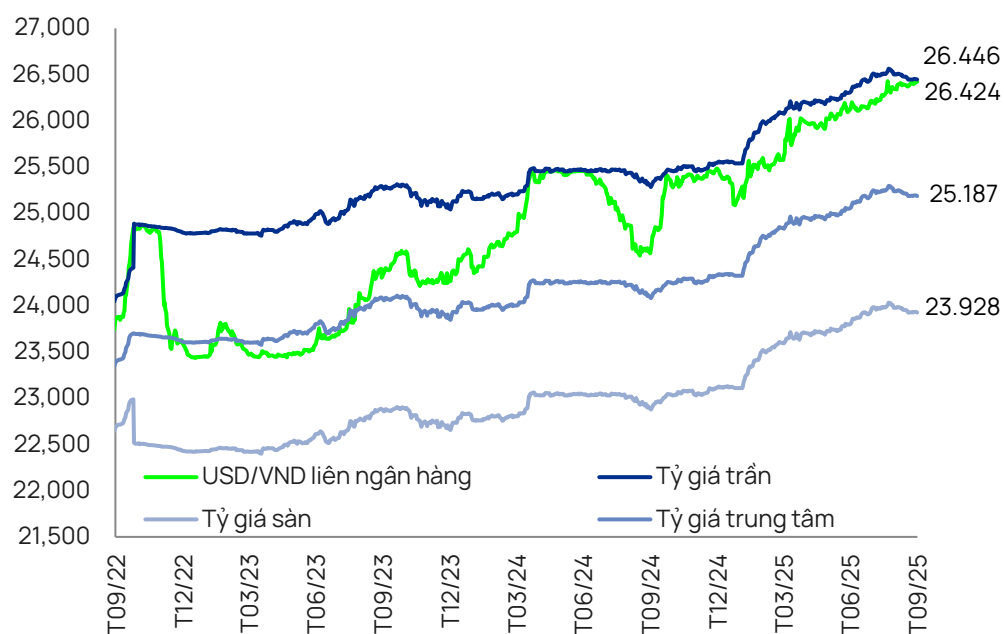
Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng trong tháng 9

Mặc dù Fed cắt giảm lãi suất điều hành 25 điểm cơ bản lần đầu tiên trong năm 2025, đồng VND vẫn chịu áp lực do nhu cầu USD kéo dài và giá vàng trong nước tăng cao (giá bán vàng SJC tăng 3,9% MoM trong tháng 9).

Tính đến cuối tháng 9, tỷ giá USD/VND được niêm yết khoảng 26.424 trên thị trường liên ngân hàng (tỷ giá USD/VND tăng khoảng 0,3% trong tháng 9 và 3,6% trong 9 tháng đầu năm 2025).

Triển vọng: KBNN có kế hoạch mua 490 triệu USD từ các ngân hàng thương mại vào ngày 2/10 và ngày 6/10. Để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ ngày càng tăng, vào ngày 1/10, NHNN đã bán USD thông qua hợp đồng kỳ hạn 6 tháng với tỷ giá 26.550 đồng (được phép hủy ngang). Động thái của NHNN đã giúp hạ nhiệt áp lực đối với thị trường ngoại hối, với tỷ giá USD/VND giảm 0,25% trong tuần đầu tháng 10. Ngoài ra, Fed có thể tiếp tục cắt giảm lãi suất lần thứ hai vào ngày 29/10, điều này có thể giúp giảm bớt áp lực lên thị trường ngoại hối.

Hình 34: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F	2027F	Đơn vị	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng GDP (thực)	7,4	2,9	2,6	8,5	5,1	7,1	8,1	7,5	8,0	% YoY	Cục Thống kê
GDP danh nghĩa	334	347	366	409	430	476	516	554	597	USD bn	NHTG
GDP đầu người	3.491	3.586	3.756	4179	4347	4.701	5.046	5.367	5.733	USD	NHTG
Tỷ lệ thất nghiệp	2,0	2,5	3,0	2,1	2,2	2,1	2,2	2,1	2,1	%	Cục Thống kê
Giải ngân FDI	20,4	20,0	19,7	22,4	23,2	25,4	27,5	27,5	30,0	USD bn	Cục ĐTNN
Giải ngân FDI (% GDP)	6,2	5,8	5,4	5,5	5,4	5,3	5,3	5,1	5,1	% of GDP	Cục ĐTNN
Xuất khẩu (% GDP)	80,0	82,3	92,7	92,1	82,2	85,2	90,6	90,3	90,9	% of GDP	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng xuất khẩu	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,3	15,2	7,0	8,5	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng nhập khẩu	7,0	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,7	17,5	7,5	8,5	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Cán cân thương mại hàng hóa	10,9	19,9	3,3	12,1	28,4	24,8	20,0	19,0	20,7	USD bn	Cục HQ, Cục Thống kê
Dự trữ ngoại hối	78,0	94,4	107	86,0	93,0	84,0	80,0	90,0	100,0	USD bn	NHNN, NHTG
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	23,7	27,6	30,2	21,0	21,6	17,6	15,5	16,6	16,8	% of GDP	NHNN
Lạm phát (bình quân)	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,2	3,5	3,5	% YoY	Cục Thống kê
VND tăng (trượt) giá so với USD	0,0	0,3	1,2	-3,4	-2,8	-4,8	-2,5	-2,0	-2,0	%	Bloomberg
Lãi suất trần huy động (< 6 tháng)	5,0	4,0	4,0	6,0	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	13,6	12,2	13,6	14,2	13,5	15,1	16,9	16,5	14,7	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	-2,1	-2,7	-2,5	-4,3	-4,0	-3,6	-3,8	-3,4	-3,2	% of GDP	Bộ Tài chính
Nợ công	43,1	43,7	43,1	38,0	36,6	36-37	36-37	37-38	37-38	% of GDP	Bộ Tài chính, NHTG

Lưu ý: Vietcap là nguồn cho tất cả các dự báo – ngoại trừ thâm hụt ngân sách và nợ công trích nguồn từ Bộ Tài chính).

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang & Hoàng Thủy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi đối với các công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thục, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.